

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 291/2025/DS-PT

Ngày 05 - 5 - 2025

V/v tranh chấp “Ranh giới
quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Huỳnh Việt Trung**

Các Thẩm phán: Bà **Lưu Thị Thu Thủy**.

Bà **Lâm Ngọc Tuyền**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Minh Thắm** – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Phan Thị Thanh Xuân** - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 26/4/2025 và ngày 05/5/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 592/2024/TLPT-DS ngày 27 tháng 11 năm 2024 về việc tranh chấp “Ranh giới quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 231/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Toà án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 661/2024/QĐ-PT ngày 02 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1958.

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 09-11-2020. (Có mặt)

2. Bị đơn: Ông **Huỳnh Tể T1**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn: Luật sư **Võ Trọng K**, Chi nhánh Văn phòng L2, Đoàn Luật sư Thành phố H.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà **Nguyễn Thị M**, sinh năm 1967; (Có mặt)

3.2. Chị **Huỳnh Thị Ngọc N**, sinh năm 1988; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

3.3. Chị **Huỳnh Thị Ngọc T2**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Ấp A, xã C, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

3.4. Chị **Huỳnh Thị Ngọc H1**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Ấp D, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

3.5. Chị **Huỳnh Minh D**, sinh năm 1991.

HKTT: Ấp E, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tạm trú: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. (Có mặt)

3.6. Bà **Võ Thị T3**, sinh năm 1958.

3.7. Anh **Nguyễn Thanh T4**, sinh năm 1986.

3.8. Chị **Nguyễn Kim H2**, sinh năm 1992.

3.9. Anh **Nguyễn Thanh L**, sinh năm 1994.

Cùng địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- *Người đại diện theo ủy quyền của bà T3, anh T4, chị H2, anh L: Ông Nguyễn Văn H*, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang. Theo văn bản ủy quyền ngày 09-11-2020. (Có mặt)

4. Người kháng cáo: Bị đơn **Huỳnh Tế T1**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm,

** Nguyên đơn Nguyễn Văn T có đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn H trình bày:*

Ông Nguyễn Văn T có 02 thửa đất gồm thửa 966, tờ bản đồ số 02, diện tích 1.771m² được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01009 ngày 11-10-1996 và thửa 967, tờ bản đồ số 02, diện tích 3.990m² được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02637 ngày 28-12-1998. Nguồn gốc hai thửa đất của ông T là do nhận thừa kế của cha mẹ để lại. Liên kề với thửa đất của ông T là đất của ông Huỳnh Tế T1 và ranh giới đất giữa hai bên là bờ thửa có chiều ngang khoảng 01m chạy dài từ kinh Cả Gáo đến kinh Cấp Hai thuộc quyền sử dụng của ông T. Sau đó, ông T1 thuê máy xúc móc đất lấn sang đất ông T 03m, dài khoảng 153m. Do đó, nay ông T khởi kiện yêu cầu ông T1 phải trả lại phần đất lấn chiếm cho ông.

Ông Nguyễn Văn H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông T1 và các thành viên trong hộ có nghĩa vụ trả lại cho ông T phần đất lấn chiếm theo ranh giới từ 1/3 con mương hiện hữu, ông T đồng ý nhận 1/3, ông T1 được sử dụng 2/3 con mương, riêng đối với vị trí ranh ở đầu đường đất xác định ranh tại vị trí bên ông chỉ. Như vậy, phần diện tích ông T yêu cầu ông T1 phải trả lại là 63,3m² thuộc thửa số 4 và 73,1m² thuộc thửa số 19 của ông T.

** Bị đơn là ông Huỳnh Tế T1 trình bày:*

Ông được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất đối với các thửa 968, diện tích 4.046m², thửa 973, diện tích 6.018m² và thửa 965, diện tích 2.631m² tại ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02638 ngày 28-12-1998. Phần đất vườn có nguồn gốc từ nhận chuyển nhượng vào 1988 của ông Phan Văn T5, bà Nguyễn Thị P (Mua 02 thửa), còn phần đất ruộng là mua của ông T5. Bà P đã chết, ông T5 thì đã bỏ đi hiện không biết ở đâu. Khi ông nhận chuyển nhượng thì ranh giới đất của ông và ông T là con mương và con mương thuộc quyền sử dụng của ông. Ở đoạn phía sau, cũng có con mương nằm toàn bộ trên đất ông T nhưng hiện ông T đã lấp. Do đó, ông không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì phần đất này khi ông nhận chuyển nhượng thì con mương là của bên ông nên nay ông T yêu cầu mỗi bên ½ ông không đồng ý.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, bà Nguyễn Thị M, chị Huỳnh Thị Ngọc T2, Huỳnh Thị Ngọc H1 và Huỳnh Minh D trình bày:* Thống nhất theo ý kiến trình bày của ông T1, toàn bộ con mương là đất của hộ ông T1, ông T1 sử dụng con mương từ khi nhận chuyển nhượng đất cho đến nay nên nay ông T kiện đòi lại phía bị đơn không đồng ý.

Ông Huỳnh Tế T1 và các thành viên trong hộ gồm bà Nguyễn Thị M, chị Huỳnh Thị Ngọc T2, Huỳnh Thị Ngọc H1, Huỳnh Minh D không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của ông T vì khi nhận chuyển nhượng đất từ chủ cũ thì con mương thuộc quyền sử dụng của gia đình ông T1, xác định ranh giới quyền sử dụng đất giữa hai bên là tại vị trí ông T1 chỉ ranh trên Bản đồ địa chính (Trích đo) của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C.

** Bản án dân sự sơ thẩm số 231/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang đã căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 5, Điều 163, Điều 164, Điều 166, Điều 175 và Điều 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của*

Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T.

- Buộc ông Huỳnh Tế T1 và các thành viên trong hộ gồm bà Nguyễn Thị M, chị Huỳnh Thị Ngọc N, Huỳnh Thị Ngọc T2, Huỳnh Thị Ngọc H1, Huỳnh Minh D có nghĩa vụ trả lại cho hộ ông Nguyễn Văn T phần đất có tổng diện tích 136,4m². Trong đó gồm phần diện tích 63,3m² thuộc thửa đất số 4, tờ bản đồ số 7 và phần đất có diện tích 73,1m² thuộc thửa đất số 19, tờ bản đồ số 7 tại ấp E, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang, là một phần của thửa đất 966 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01095 ngày 11-10-1996 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn T và một phần của thửa đất 967, tờ bản đồ số 2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02637 ngày 28-12-1998 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn T. Có tứ cận như sau:

- + Phía Đông giáp: Phần còn lại của thửa số 4 và số 19 của hộ ông T;
- + Phía Tây giáp: Phần còn lại của thửa số 4 và số 19 của hộ ông T;
- + Phía Nam giáp: Đường H;
- + Phía Bắc giáp: Đường đất.

Có sơ đồ kèm theo.

Ông Nguyễn Văn T, ông Huỳnh Tế T1 có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

- Buộc ông Huỳnh Tế T1 có nghĩa vụ di dời hàng rào lưới B40 có diện tích 144m² ra khỏi phần đất 136,4m² nêu trên để trả lại đất cho ông Nguyễn Văn T.

2. Về nghĩa vụ hỗ trợ di dời hàng rào và chi phí tố tụng:

Buộc ông Nguyễn Văn T có nghĩa vụ trả cho ông Huỳnh Tế T1 số tiền hỗ trợ di dời hàng rào lưới B40 là 9.072.000 đồng. Buộc ông Huỳnh Tế T1 có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T chi phí tố tụng 3.000.000 đồng. Sau khi trừ số tiền chi phí tố tụng 3.000.000 đồng vào chi phí hỗ trợ di dời hàng rào, ông T còn phải trả tiếp cho ông T1 số tiền 6.072.000 (Sáu triệu không trăm bảy mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của đương sự.

* Ngày 08 tháng 10 năm 2024, bị đơn Huỳnh Tế T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn tranh luận: Về nội dung: Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông T1 có cung cấp được những tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình như bảng tổng hợp bồi thường công trình đường kênh Cả Gáo – xã M (Đ) ngày 28/12/2011 thể hiện khi thực hiện công trình đường kênh Cả Gáo; Bảng ghi ý kiến ranh đất đề ngày 08/11/2024 của ông Võ Văn T6 là người chuyển nhượng các thửa đất số 966, 967 và 973 cho ông T1. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/3/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang đối với ông Nguyễn Văn X (Nguyên Trưởng ấp E) và bà Nguyễn Thị Á (là người sống lâu năm tại địa phương và gần phần đất đang tranh chấp). Tất cả đều xác định con mương đang tranh chấp là do ông Võ Văn T6 đào, sau khi chuyển nhượng cho ông Thế thì ông T1 sử dụng ổn định. Đến năm 2011, ông T1 được Nhà nước bồi thường 03 ống bông do ông T1 đặt dưới con mương và ông T cũng không có ý kiến hay tranh chấp gì nên có đủ cơ sở xác định con mương đang tranh chấp là của ông T1. Về tố tụng: Cấp sơ thẩm có những vi phạm như sau: Tại biên bản nghị án ngày 27/9/2024 (bút lục 137-139), Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 375/2020/TLST-DS ngày 01/10/2020 nhưng tại Bản án gốc (bút lục 140-147) Hội đồng xét xử lại xét xử đối với vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST-DS ngày 29/3/2021, tức là Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án khác nhưng lại tuyên án đối với vụ án này. Ngoài ra, tại Bản án gốc Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vụ án theo quyết định số 197/2024/QĐXXST-DS ngày 05/8/2024 nhưng tại Bản án phát hành (bút lục 156-160) Hội đồng xét xử lại đưa vụ án ra xét xử theo quyết định số 290/2024/QĐXXST-DS ngày 28/8/2024 là không phù hợp. Mặc dù cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng nhưng không ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Ông T1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, bị đơn có cung cấp bảng tổng hợp bồi thường công trình đường kênh Cả Gáo – xã M (Đ) ngày 28/12/2011; Bảng ghi ý kiến ranh đất đề ngày 08/11/2024 của ông Võ Văn T6 là người chuyển nhượng các thửa đất số 966, 967 và 973 cho ông T1. Ngày 26/3/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn X (Trưởng ấp E, xã M giai đoạn 1993 – 2013) và bà Nguyễn

Thị Á (là người sống gần phần đất đang tranh chấp), ông X và bà Á đều xác định phần con mương có chiều ngang khoảng 02m trước khi chuyển nhượng cho ông Thế L1 do ông T6 đào, sau khi chuyển nhượng cho ông Thế thì ông T1 sử dụng ổn định và đến năm 2011 được Nhà nước bồi thường đối với 03 ống bọng do ông T1 đặt dưới con mương. Do đó, có đủ cơ sở để xác định con mương đang tranh chấp là của ông T1. Đối với phần đất đang tranh chấp không có con mương nhưng có bờ ranh nên xác định bờ ranh hiện hữu là ranh đất giữa thửa số 19 của hộ ông T và thửa số 13 của hộ ông T1. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền và xác định người tham gia tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng:

Ông Huỳnh Tế T1 nộp đơn kháng cáo và thực hiện các thủ tục kháng cáo hợp lệ, trong thời hạn luật định nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm theo các Điều 272, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Nguyễn Thị M có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị M.

Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, trong quá trình giải quyết vụ án sơ thẩm, cấp sơ thẩm có những vi phạm tố tụng như sau:

Tại biên bản nghị án ngày 27/9/2024 (bút lục 137-139), Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số 375/2020/TLST-DS ngày 01/10/2020 nhưng tại Bản án gốc (bút lục 140-147) Hội đồng xét xử lại xét xử đối với vụ án dân sự thụ lý số 113/2021/TLST-DS ngày 29/3/2021, tức là Hội đồng xét xử sơ thẩm tiến hành nghị án đối với vụ án khác nhưng lại tuyên án đối với vụ án này. Ngoài ra, tại Bản án gốc Hội đồng xét xử đưa vụ án ra xét xử vụ án theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 197/2024/QĐXXST-DS ngày 05/8/2024 nhưng tại Bản án phát hành (bút lục 156-160) Hội đồng xét xử lại đưa vụ án ra xét xử theo quyết định số 290/2024/QĐXXST-DS ngày 28/8/2024.

Tuy nhiên, những vi phạm tố tụng nêu trên là sai sót trong việc đánh máy văn bản, không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của các bên đương sự cũng như làm ảnh hưởng đến nội dung vụ án nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm. Cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm khi giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Tế T1 đề nghị cấp phúc thẩm không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Ông T được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất thửa 966, diện tích 1.771m² và thửa 967, diện tích 3.990m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 01009 ngày 28-12-1998, nay đo đạc thực tế theo bản đồ chính quy tương ứng với thửa số 04, diện tích 2.766,9m² và thửa số 19, diện tích 2086,8m² (Chưa tính phần diện tích tranh chấp), cùng tờ bản đồ số 7. Hộ ông T1 được Ủy ban nhân dân huyện C cấp quyền sử dụng đất thửa 965, diện tích 2.631m² và thửa 968, diện tích 4.046m² theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02638 ngày 28-12-1998, nay đo đạc thực tế theo bản đồ chính quy tương ứng với thửa số 03, tờ bản đồ số 7, diện tích 3063,1m² và thửa số 13, tờ bản đồ số 6, diện tích 2.564,4m² (Chưa tính phần diện tích tranh chấp); đối với thửa 973 đã chuyển nhượng không còn. Cả đất của ông T, ông T1 diện tích qua đo đạc theo bản đồ chính quy đều giảm so với diện tích được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo tài liệu 299. Diện tích đất ông T giảm 907,3m², diện tích đất ông T1 giảm 779,5m².

Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, ông T1 đã cung cấp bảng tổng hợp bồi thường công trình đường kênh Cả Gáo – xã M (Đ) ngày 28/12/2011 thể hiện khi thực hiện công trình đường kênh Cả Gáo, Nhà nước có bồi thường cho ông T1 03 ống bọng đặt dưới con mương; Bảng ghi ý kiến ranh đất đề ngày 08/11/2024 của ông Võ Văn T6 là người chuyển nhượng các thửa đất số 966, 967 và 973 cho ông T1. Ngày 26/3/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang tiến hành lấy lời khai của ông Nguyễn Văn X (Trưởng ấp E, xã M giai đoạn 1993 – 2013) và bà Nguyễn Thị Á (là người sống gần phần đất đang tranh chấp), ông X và bà Á đều xác định phần con mương trước khi chuyển nhượng cho ông Thế L1 do ông T6 đào, sau khi chuyển nhượng cho ông Thế thì ông T1 sử dụng ổn định và đến năm 2011 được Nhà nước bồi thường đối với 03 ống bọng do ông T1 đặt dưới con mương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn H cũng thừa nhận khi thực hiện công trình đường kênh Cả Gáo, Nhà nước có bồi thường 03 ống bọng đặt dưới mương cho ông T1, nhưng do giá trị không lớn nên ông T không có ý kiến. Đối với con mương đang tranh chấp, trước khi chuyển nhượng đất cho ông Thế L1 do ông Nguyễn Văn H cùng với ông Võ Văn T6 cùng đào. Tuy nhiên, theo bảng ghi ý kiến đề ngày 08/11/2024 của ông T6 thì ông T6 trình bày là do ông T6 đào và nằm hoàn toàn trên đất của ông T6 lúc đó. Lời trình bày của ông T6 phù hợp với biên bản lấy lời khai của ông X và bà Á ngày 26/3/2025, cụ thể, ông X và bà Á xác định con mương là do ông T6 đào đề ra vô xuồng đến phần đất của ông T6 phía trong. Sau khi chuyển nhượng cho ông Thế thì ông T1 sử dụng ổn định, có thời gian ông T1 bít con mương lại để nuôi cá và làm cầu vệ sinh nên có đủ cơ sở để xác định con mương đang tranh chấp nằm trên phần đất của ông T1.

Đối với đoạn phía bắc giữa thửa số 19 của hộ ông T và thửa số 13 của hộ ông T1 hiện không có mương ranh, bờ ranh hiện còn tồn tại, ông T1 thừa nhận ranh giới giữa hai bên là ranh thẳng dọc theo bờ mương, ông T thì cho rằng có

cong nhưng không đáng kể nên Hội đồng xét xử xác định bờ ranh hiện hữu là ranh đất giữa thửa số 19 của hộ ông T và thửa số 13 của hộ ông T1.

Từ những phân tích trên, xét yêu cầu kháng cáo của ông Thế L1 có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi cho ông T1 phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử phúc thẩm nên được chấp nhận.

[5] Về án phí: Ông Huỳnh Tế T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Tế T1.

Sửa toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 231/2024/DS-ST ngày 27 tháng 9 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 164, Điều 176 của Bộ luật Dân sự; Điều 166, Điều 170, Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T về việc yêu cầu ông Huỳnh Tế T1 trả lại phần đất lấn chiếm cho ông T.

2. Về chi phí tố tụng:

Do yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T không được chấp nhận nên ông T phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng.

3. Về án phí:

- Ông Huỳnh Tế T1 không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. H3 lại ông Huỳnh Tế T1 số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016910 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Ông Nguyễn Văn T được miễn án phí, nên được nhận lại số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005532 ngày 15/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Án tuyên lúc 15 giờ 20 phút, ngày 05/5/2025. Có mặt ông H, ông T1, chị T2, chị H1, chị D, Kiểm sát viên; Các đương sự còn lại vắng mặt.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- Đăng công thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án (Thẩm).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Việt Trung